TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST.
Ngày 25 tháng 10 năm 2019
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH – TỈNH CAO BẰNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Phương Văn Tư

2, Bà Phùng Thị Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Công Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà: Ông Nông Đức Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày *25* tháng *10* năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST- DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử: 06/2019/QĐXX-ST ngày *01* tháng *10* năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Triệu Thị R, sinh năm 1961

Trú tại: Tổ 1 Thị trấn T K - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn*:* Nông Thị T, sinh năm 1969

Trú tại: xóm B H - xã C T - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

- Ngưêi có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Ông Nông Hồng V, sinh năm 1942

Trú tại: xóm B H - xã C T - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

2, Ông Nông Cao B, sinh năm 1977

Trú tại: Tổ 27 Phường S H, thành phố C B, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Triệu Thị R trình bày: Tôi là vợ ông Nông Thanh Q (tức Nông Hồng K) quê quán xóm B H, xã C T, huyện T K (đã chết). Gia đình chồng tôi có 4 anh em trai, khi chồng tôi còn sống đã thỏa thuận chia phần tài sản của ông bà, tổ tiên để lại gồm nhà cửa, đất ruộng và đất rẫy cụ thể từng đám cho từng người theo văn bản chia ngày 20/9/1992 âm lịch và biên bản họp 4 anh em ngày 06/12/1998. Cụ thể gia đình tôi được chia: Hai đám Nà Rì thửa đất số 175 và thửa 192 tờ bản đồ số 24 diện tích là 2.001m^2; Đám Nà Ké thửa đất số 220 tờ bản đồ 25 diện tích 1.165m^2; Đám Nà Bo Bủn thửa đất số 76 tờ bản đồ 24 diện tích 622m^2; Đám Nà Diên thửa đất số 76 bản đồ số 26 diện tích 232m^2; Đám rẫy Ngườm Khang thửa đất số 35 tờ bản đồ số 37 diện tích 2.290m^2.

Những thửa đất nói trên gia đình tôi đã có giấy chứng nhận quyến sử dụng đất cấp ngày 30/12/2011, lúc chồng tôi còn sống gia đình tôi hàng năm vẫn canh tác đến năm 1997, 1998 gia đình tôi cho anh N xóm B H canh tác trồng lúa 2 đám Nà Rì, đến tháng 3 năm 1999 chồng tôi vừa chết được 3 ngày sau thì cháu Nông Hồng S là chồng chị T đến nhà tôi nói là tịch thu toàn bộ tài sản ông bà để lại (nhà cửa, ruộng đất) Đến nay đã tròn hai mươi năm trôi qua gia đình chị T tranh chấp canh tác sáu nghìn mét vuông đất của gia đình tôi mà không cho tôi một hạt thóc nào. Năm 2017, 2018 đầu năm 2019 gia đình tôi đi cày lên để trồng lúa, trồng ngô nhưng tôi vừa cày lên thì chị T lại gieo màu xuống đất của tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu bà T trả lại đất cho tôi và phải bồi thường hoa màu mà gia đình bà T đã canh tác trên hai mươi năm mỗi năm 10.000.000đ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nông Thị T trình bày: Về nguồn gốc đất hiện nay đang tranh chấp là của ông bà để lại phần đất được chia cho chú Q chú đã đem gán nợ.

Nguyên nhân lý do sảy ra tranh chấp: Do chú Q vay nợ chồng tôi là Nông Hồng S 18.500.000đ. (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) từ năm 1992 với lãi xuất là 25% / tháng do chú Q tự định ra mức lãi xuất, Khi chú Q vay tiền với Nông Hồng S vì là chú cháu nên không lập biên bản. Vì chú Q không trả được nợ gốc và lãi nên chú Q đã lấy phần đất được chia cho

chú để gán nợ và hiện nay tôi đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Triệu Thị R cấp ngày 01/12/2007.

Nay tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được quyền quản lý canh tác sử dụng phần đất mà chú Q đã gán nợ để tôi được quyền quản lý sử dụng. Nếu như bà Triệu Thị R muốn lấy lại đất thì phải hoàn trả số tiền gốc là 18.500.000đ và lãi là 25% trên một tháng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Hồng V trình bày:

Về nguồn gốc đất hiện nay bà R và bà T đang tranh chấp là của bố mẹ tôi để lại và đã tạm chia cho các con gồm có 4 anh em trai một là Nông Đức T, hai là Nông Hồng V, ba là Nông Thanh Qu, bốn là Nông Hồng T. Phần đất hiện nay đang tranh chấp là đã tạm chia cho Nông Thanh Q.

Nguyên nhân lý do sảy ra tranh chấp: là do chú Nông Thanh Q vay tiền con trai tôi là Nông Hồng S số tiền là 18.500.000đ (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) từ năm 1992 với lãi xuất là 25% / tháng do chú Q tự định ra mức lãi xuất, Khi chú Q vay tiền con trai tôi vì là chú cháu nên không lập biên bản. Chú Q không trả được nợ gốc và lãi nên chú Q đã lấy phần đất được chia cho chú để gán nợ và hiện nay tôi đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Triệu Thị R cấp ngày 01/12/2007.

Nay tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được quyền quản lý canh tác sử dụng phần đất mà chú Q đã gán nợ để tôi được quyền quản lý sử dụng. Nếu như bà Triệu Thị R muốn lấy lại đất thì phải hoàn trả số tiền gốc là 18.500.000đ và lãi là 25% trên một tháng với số tiền là 1.480.000.000đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Ông Nông Cao B trình bày: Bố tôi là Nông Thanh Q đã chết năm 1999, mẹ đẻ tôi là bà Hứa Thị S bố mẹ tôi ly hôn vào năm 1981. Đến năm 1985 bố tôi tái hôn với bà Triệu Thị R. Trước khi chết bố tôi viết di chúc để lại cho tôi thừa kế một mảnh đất tại tổ 1 Thị trấn Trùng Khánh, ruộng và rẫy tại thôn B H, xã C T, nhưng năm 2011 bà Triệu Thị R đã tự ý làm thủ tục đứng tên bà R mà không có tên tôi trong bìa đỏ. Việc bà Triệu Thị R khởi kiện bà Nông Thị T tôi không liên quan vì vậy tôi không có lý do gì có mặt tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án giải quyết theo luật định.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh phát biểu quan điểm*:** Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, về việc tuân theo pháp luật tố

tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất. Theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Triệu Thị R yêu cầu bà Nông Thị T và ông Nông Hồng Vân trả lại đất cho bà R các thửa đất gồm: Hai đám Nà Rì thửa đất số 175 và thửa 192 tờ bản đồ số 24 diện tích là 2.079m^2; Đám Nà Ké thửa đất số 220 tờ bản đồ 25 diện tích 1.165m^2; Đám Nà Bo Bủn thửa đất số 76 tờ bản đồ 24 diện tích 622m^2; Đám Nà Giên thửa đất số 76 bản đồ số 26 diện tích 232m^2; Đám rẫy Ngườm Khang thửa đất số 35 tờ bản đồ số 37 diện tích 2.290m^2.

Bà Nông Thị T không được tranh chấp và canh tác các thửa đất nói trên.

Về án phí: Bà Nông Thị T phải chịu án phí đân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp về quyền sử dụng đất. Về thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy đinh tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh. Ngoài ra bị đơn có nơi cư trú tại xóm B H - xã C T - huyện T K - tỉnh Cao Bằng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Trùng Khánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc tranh chấp đất đai giữa các bên đương sự: Xét về nguồn gốc đất, nguyên đơn khai nhận nguồn gốc đất là của ông Nông Văn S và bà Hoàng Thị T là bố mẹ đẻ của ông Nông Thanh Q. Ông Săm đã chết năm 1984 và bà T chết năm 1994 để lại tài sản cho các người con trai hiện nay các ông đã phân chia và lập biên bản, phần ông Nông Thanh Q được các đám ruộng và các đám rẫy sau:

Hai đám Nà Rì thửa đất số 175 và thửa 192 tờ bản đồ số 24 diện tích là 2.097m^2; Đám Nà Ké thửa đất số 220 tờ bản đồ 25 diện tích 1.165m^2; Đám Nà Bo Bủn thửa đất số 76 tờ bản đồ 24 diện tích 622m^2; Đám Nà Diên thửa đất số 77 bản đồ số 26 diện tích 427m^2; Đám rẫy Ngườm Khang thửa đất số 35 tờ bản đồ số 37 diện tích 2.290m^2.

Năm 1998 gia đình Bà R cho anh em xóm B H canh tác trồng lúa 2 đám Nà Rì. Đến năm 2017, 2018 và đầu năm 2019 gia đình bà R đi cày lên để trồng lúa, trồng ngô vừa cày lên thì chị T lại gieo màu dẫn đến tranh chấp.

Tòa án cũng đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tại nơi xảy ra tranh chấp đất tại xóm Bản Hâu, xã Cao Thăng, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng vào ngày 20 tháng 9 năm 2019 được xác định như sau:

Phần đất tranh chấp giữa bà R và T theo kết quả đo đạc thực tế các thửa đất có diện tích như sau:

- 02 đám Nà Rì là thửa số 175 và 192 tờ bản đồ 24 có tổng diện tích là 2.097m^2

Về tứ cận: Phía đông giáp thửa đất số 168, 174 và thửa số 205; Phía tây giáp đường; Phía nam giáp thửa đất số 203; Phía bắc giáp thửa đất số 149.

- Đám ruộng Nà Bo Bủn thửa đất số 76, tờ bản đồ số 24 , diện tích 622m^2.

Về tứ cận: Phía đông giáp thửa đất số 59 và thửa số 77; Phía tây giáp thửa đất số 74; Phía nam giáp thửa đất số 91; Phía bắc giáp thửa đất số 60.

- Đám Nà Ké thửa đất số 220 tờ bản dồ số 25, diện tích là 1.165 m^2.

Về tứ cận: Phía đông giáp thửa đất số 195; Phía tây giáp thửa đất số 260; Phía nam giáp thửa đất số 218; Phía bắc giáp thửa đất số 194 và thửa số 229.

- Đám rẫy ngườm khang thửa đất số 35, tờ bản đồ số 37, diện tích 2.290 m^2.

Về tứ cận: Phía đông giáp thửa đất số 34; Phía tây giáp thửa đất số 36 và thửa 42, 43; Phía nam giáp núi; Phía bắc giáp thửa đất số 28 và thửa số 29 và đường.

- Đám Nà Diên thửa đất số 77, tờ bản đồ số 26, diện tích là 427 m^2.

Về tứ cận: Phía đông giáp đường; Phía tây giáp thửa đất số 233; Phía nam giáp thửa số 234; Phía bắc giáp thửa đất số 68.

Hội đồng xét xử thấy rằng, qua lời trình bày giữa các bên đương sự xác định về nguồn gốc đất là của ông Nông Văn S và bà Hoàng Thị T là bố mẹ đẻ các ông Nông Văn T (tức T), Nông Hồng V, Nông Thanh Q và Nông Hồng T để lại và các ông đã tự chia. Ngày 28 tháng 9 năm 1992 Ông Nông Văn T (tức T) là anh trai cả thực hiện di chúc của ông, bà trước khi qua đời đã phân chia tài sản rõ ràng và ngày 06/12/1998 các ông đã lập lại biên bản về việc phân chia tài sản giữ nguyên như biên bản lập ngày 28/9/1992.

Ông Nông Thanh Q được những đám ruộng và rẫy sau:

- Về ruộng: Đám Nà Rì; đám Nà Bo Bún; đám Nà Diên.

- Về Rẫy: ½ đám rẫy Ngườm Khang phía dưới; đám Nà Ké.

Bà Nông Thị T và ông Nông Hồng V tranh chấp và cho rằng đây là đất ông, bà để lại, phần đất được chia cho ông Nông Thanh Q đã đem gán nợ với chồng tôi và con trai là Nông Hồng S với số tiền là 4.000.000đồng vào năm 1992, tính đến hiện nay tính cả lãi phải trả cho chúng tôi với số tiền là 1.480.000.000đồng. Các yêu cầu đó bà T và ông V không có giấy tờ gì để chứng minh là Ông Nông Thanh Q vay số tiền trên với Nông Hồng S. Hơn nữa ông Q đã chết từ năm 1999 và ông Sơn chết năm 2018 nên không có căn cứ để buộc bà Triệu Thị R phải trả số tiền trên. Vì vậy cần bác yêu cầu của Bà T và ông Vân yêu cầu bà Triệu Thị R trả lại số tiền trên cả gốc và lãi.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Triệu Thị Riệm đòi lại quyền sử dụng các thửa đất nói trên là đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản ý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; §iều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Triệu Thị R về việc yêu cầu bà Nông Thị T trả lại đất cho bà là đúng pháp luật.

2. Buộc bà Nông Thị T phải trả lại các thửa đất sau đây cho bà R:

- 02 đám Nà Rì là thửa số 175 và thửa 192 tờ bản đồ 24 có tổng diện tích là 2.097m^2.

Về tứ cận: Phía đông giáp thửa đất số 168, 174 và thửa số 205; Phía tây giáp đường; Phía nam giáp thửa đất số 203; Phía bắc giáp thửa đất số 149.

- Đám ruộng Nà Bo Bủn thửa đất số 76, tờ bản đồ số 24 , diện tích 622m^2.

Về tứ cận: Phía đông giáp thửa đất số 59 và thửa số 77; Phía tây giáp thửa đất số 74; Phía nam giáp thửa đất số 91; Phía bắc giáp thửa đất số 60.

- Đám Nà Ké thửa đất số 220 tờ bản đồ số 25, diện tích là 1.165 m^2.

Về tứ cận: Phía đông giáp thửa đất số 195; Phía tây giáp thửa đất số 260; Phía nam giáp thửa đất số 218; Phía bắc giáp thửa đất số 194 và thửa số 229.

- Đám rẫy Ngườm Khang thửa đất số 35, tờ bản đồ số 37, diện tích 2.290 m^2.

Về tứ cận: Phía đông giáp thửa đất số 34; Phía tây giáp thửa đất số 36 và thửa 42, 43; Phía nam giáp núi; Phía bắc giáp thửa đất số 28 và thửa số 29 và đường.

- Đám Nà Diên thửa đất số 77, tờ bản đồ số 26, diện tích là 427 m^2.

Về tứ cận: Phía đông giáp đường; Phía tây giáp thửa đất số 233; Phía nam giáp thửa số 234; Phía bắc giáp thửa đất số 68.

Bà Triệu Thị R được quyền quản lý và sử dụng các thửa đất ở trên.(Có sơ đồ đo đạc thực địa vị trí tranh chấp kèm theo)

3. Về án phí: bà Nông Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự để sung công quỹ Nhà nước.

Bà Triệu Thị R được hoàn lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh theo biên lai số AA/2018/ 0002190 ngày 21/6/2019.

4. Báo cho các đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Bằng và bà Tuyến vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ

**** Nơi nhận:***
- Toà Dân Sự TAND tỉnh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND TK;
- THADS - TK;
- UBND xã Cao Thăng;
- Các bên đương sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

La Văn Viên